

Số: /BC-UBND

Trà Thanh, ngày 21 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO

Phục vụ công tác Thanh tra theo kế hoạch

Kết quả thực hiện các Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Công văn số 10/TTr-P2 ngày 03/01/2025 của Thanh tra Ủy ban Dân tộc)

Thực hiện theo Công văn số 102/UBND-MN ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Bồng về việc báo cáo phục vụ công tác Thanh tra theo kế hoạch. Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Nay, UBND xã Trà Thanh báo cáo kết quả thực hiện các Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, với các nội dung cụ thể như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Trà Thanh là xã cách xa trung tâm của huyện Trà Bồng 23 km về phía Tây tổng diện tích tự nhiên là 4.927,86 ha, diện tích có rừng 2.839,11 ha; rừng tự nhiên 794,76 ha; rừng trồng đã thành rừng 2.044,35 ha, rừng trồng chưa thành rừng 606,33 ha, rừng phòng hộ 620,32 ha, rừng sản xuất 1.690,26 ha, diện tích cây phân tán 4,93, độ che phủ 57,75 %, bao gồm có 04 thôn: thôn Vuông, thôn Môn, thôn Cát và thôn Gõ.

Xã hiện có 539 hộ với 2.634 nhân khẩu. Trong đó: (2,5 % là người kinh chủ yếu là buôn bán nhỏ, còn lại 97,5 % là người đồng bào dân tộc thiểu số) phong tục tập quán của người dân chủ yếu là phát nương làm rẫy, trình độ dân trí còn thấp nên ảnh hưởng đến công tác triển khai thực hiện Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Giảm nghèo bền vững năm 2024.

Trà Thanh là xã miền núi, có địa hình chia cắt khá phức tạp. Vùng đồi núi cao và dốc chiếm khoảng 90% diện tích tự nhiên, vùng thung lũng dọc theo các sông, suối nhỏ chiếm khoảng 10% diện tích tự nhiên của xã. Độ cao trung bình từ 500-600m, độ dốc bình quân từ 15-20⁰.

B. CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

- Việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG, Ban Quản lý dự án (nếu có), Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý dự án các cấp.

Thực hiện theo Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật

Xây dựng; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 13/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 09/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính Phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025:

- Đối với vốn sự nghiệp:

Dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên, địa phương điều thực hiện chào hàng cạnh tranh qua mạng trên hệ thống đấu thầu Quốc gia, để lựa chọn đơn vị cung ứng giống và để tiết kiệm nguồn ngân sách cho nhà nước.

- Đối với vốn đầu tư:

Thực hiện như phê duyệt đề cương; trình thẩm định và phê duyệt kế hoạch LCNT bước chuẩn bị đầu tư; thương thảo và lựa chọn các đơn vị tư vấn; hình thức lựa chọn nhà thầu...; để kịp tiến độ triển khai thực hiện dự án có quy mô nhỏ, đối với xã những dự án nào có chi phí xây lắp dưới 1 tỷ đồng thì lựa chọn hình thức thương thảo hợp đồng và chỉ định thầu, còn lại chi phí xây lắp từ đủ 1 tỷ đồng trở lên thì đấu thầu rộng rãi qua mạng đấu thầu Quốc gia.

- Chất lượng, hiệu quả sử dụng của các công trình hiện nay.

Các công trình đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng đang phát huy hiệu quả, góp phần thúc đẩy kinh tế, văn hoá, xã hội tiếp tục có bước phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của người dân, nhất là đồng bào DTTS tiếp tục được nâng lên.

- Công tác quyết toán dự án hoàn thành theo từng công trình, dự án.

Hiện nay đối với địa phương đã thực hiện quyết toán dự án hoàn thành theo quy định, không có dự án nào chậm quyết toán.

- Việc ban hành văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính Phủ (viết tắt là Chương trình 1719) và một số chính sách khác của cơ quan có thẩm quyền; quyết định cơ chế phân cấp quản lý thực hiện các chương trình, chính sách, dự án trên địa bàn cho các cấp, ngành (*theo Phụ lục số 01*)

- Việc xây dựng kế hoạch sử dụng các nguồn lực để lồng ghép thực hiện chương trình, dự án.

- Việc phân công nhiệm vụ, giao chỉ tiêu kế hoạch hằng năm cho các các sở, ngành và các huyện, thị xã, thành phố (*theo Phụ lục số 02*)

- Tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm toán liên quan đến nội dung thanh tra (*theo Phụ lục số 03*).

- Thực hiện chế độ báo cáo, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình, chính sách theo quy định.

C. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH

1. Tình hình kinh phí

1.1. Ngân sách Trung ương

Kế hoạch vốn, dự toán ngân sách giao năm 2022-2024: 18.285,552 triệu đồng, kết quả thực hiện giải ngân đến 31/12/2024: 14.114,227 triệu đồng

1.2. Ngân sách địa phương

- Kế hoạch vốn, dự toán ngân sách giao năm 2022-2024: 1.731,565 triệu đồng, kết quả thực hiện giải ngân đến 31/12/2024: 1.147,960 triệu đồng

- Hỗ trợ hoạt động Ban Chỉ đạo và quản lý chương trình: Dự toán ngân sách giao năm 2022-2024, kết quả thực hiện giải ngân đến 31/12/2024.

1.3. Huy động các nguồn lực hợp pháp khác: Không

2. Kết quả thực hiện

2.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

- Kế hoạch vốn, dự toán ngân sách giao năm 2022-2024 (NSTW, NSDP): 4.935,944 triệu đồng, kết quả thực hiện giải ngân đến 31/12/2024 (NSTW, NSDP): 2.226,123 triệu đồng.

- Các nội dung hỗ trợ: Nhà ở; nước sinh hoạt tập trung, phân tán.

(Tổng hợp số liệu chi tiết theo Phụ lục số 05a và Phụ lục số 06)

2.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: Không

2.3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

- Kế hoạch vốn, dự toán ngân sách giao năm 2022-2024 (NSTW, NSDP): 3.376,851 triệu đồng, kết quả thực hiện giải ngân đến 31/12/2024 (NSTW, NSDP): 2.188,808 triệu đồng.

Số dự án đã triển khai, tiến độ thực hiện; kết quả thực hiện hỗ trợ cho tổng số hộ và kinh phí thực hiện. Đánh giá về khó khăn, hạn chế, bất cập.

(Tổng hợp số liệu chi tiết theo Phụ lục số 05a và Phụ lục số 05b)

2.4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

- Kế hoạch vốn, dự toán ngân sách giao năm 2022-2024 (NSTW, NSDP): 11.008,651, kết quả thực hiện giải ngân đến 31/12/2024 (NSTW, NSDP): 10.758,761 triệu đồng.

Số dự án đã triển khai, tiến độ thực hiện; kết quả thực hiện hỗ trợ cho tổng số hộ và kinh phí thực hiện. Đánh giá về khó khăn, hạn chế, bất cập.

(Tổng hợp số liệu chi tiết theo Phụ lục số 05a)

2.5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Không

2.6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các

2.7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: Không

2.8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

- Kế hoạch vốn, dự toán ngân sách giao năm 2022-2024 (NSTW, NSDP): 418. triệu đồng, kết quả thực hiện giải ngân đến 31/12/2024 (NSTW, NSDP): 167,480 triệu đồng.

- Các nội dung: *Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ*

và trẻ em; Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em; Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị; Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng báo cáo số dự án đã triển khai, tiến độ thực hiện; kết quả thực hiện hỗ trợ cho tổng số hộ và kinh phí thực hiện. Đánh giá về khó khăn, hạn chế, bất cập.

(Tổng hợp số liệu chi tiết theo Phụ lục số 05b)

2.9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

- Kế hoạch vốn, dự toán ngân sách giao năm 2022-2024 (NSTW, NSDP): 385 triệu đồng, kết quả thực hiện giải ngân đến 31/12/2024 (NSTW, NSDP): Không thực hiện.

2.10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

- Kế hoạch vốn, dự toán ngân sách giao năm 2022-2024 (NSTW, NSDP): 55 triệu đồng, kết quả thực hiện giải ngân đến 31/12/2024 (NSTW, NSDP): Chưa thực hiện.

- Các nội dung: *Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình* báo cáo số dự án đã triển khai, tiến độ thực hiện; kết quả thực hiện hỗ trợ cho tổng số hộ và kinh phí thực hiện. Đánh giá về khó khăn, hạn chế, bất cập.

(Tổng hợp số liệu các dự án chi tiết theo Phụ lục số 05a và Phụ lục số 05b)

2.11. Kết quả thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình 1719 theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ

- Nhu cầu theo Đề án phê duyệt;
- Chỉ tiêu kế hoạch vốn vay;
- Kết quả doanh số cho vay: Tổng số hộ cho vay, doanh số cho vay.

(Báo cáo kết quả thực hiện theo Phụ lục số 08)

D. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

Quá trình triển khai thực hiện chính sách dân tộc thời gian qua đã từng bước làm chuyển biến tích cực, cơ bản về nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận xã hội về công tác dân tộc, góp phần cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có những chuyển biến quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội. Đời sống đồng bào đã được cải thiện một bước, công tác giảm nghèo được quan tâm chỉ đạo và đạt kết quả quan trọng kết cấu hạ tầng nhất là giao thông nông thôn, thủy lợi, điện, trường học, trạm y tế được quan tâm đầu tư xây dựng; vấn đề thiếu đất sản xuất, đất ở, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số từng bước giải quyết; nhiều tiêu cực xã hội được đẩy lùi; chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện rõ rệt, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đã từng bước tiếp cận những thành tựu của khoa học kỹ thuật, nhiều con em người dân tộc thiểu số đã được đào tạo thanh công nhân kỹ thuật, cán bộ khoa học và người quản lý giỏi; tình hình chính trị xã hội ổn định, góp phần giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, phát triển kinh tế xã hội.

2. Hạn chế, tồn tại

- Do điều kiện kiên tự nhiên, kinh tế - xã hội của nhân dân còn khó khăn, địa hình đồi dốc, núi cao chia cắt; thiếu vốn; trình độ dân trí thấp làm ảnh hưởng đến công tác đầu tư phát triển kinh tế tăng thu nhập của hộ gia đình nên làm chất lượng hộ thoát nghèo chưa cao.

- Năm 2022 và giữa năm 2023 hệ thống văn bản của cấp trên chưa cụ thể, còn chung chung, thường xuyên thay đổi, nên việc thực hiện một số dự án, tiểu dự án, nội dung, thành phần của địa phương chậm triển khai thực hiện;

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan: Điều kiện địa hình khó khăn nên việc trồng trọt và chăn nuôi của nhân dân chưa đạt kết quả như mong đợi của các chính thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia: Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Giảm nghèo bền vững. Ngoài ra, địa hình khó khăn, xa trung tâm nên việc thu hút đầu tư liên kết sản xuất với nhân dân còn nhiều khó khăn.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Nhận thức, trình độ của một bộ phận hộ dân còn hạn chế nên việc triển khai Chương trình còn hạn chế nhất định.

- Năm 2022 và giữa năm 2023 các văn bản hướng dẫn của cấp trên chưa có sự thống nhất, chưa có tính ổn định; Một số dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần chưa ban hành hướng dẫn đầy đủ; Danh mục các dự án thuộc Chương trình hầu hết với đặc thù là dự án có quy mô nhỏ, số lượng danh mục dự án nhiều, trong quá trình triển khai thực hiện dễ phát sinh việc điều chỉnh hoặc bổ sung danh mục, do đó khó đạt mục tiêu thực hiện theo kế hoạch được giao.

- Việc phối hợp trong việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ được giao của Công chức cấp xã còn chậm, hạn chế về chuyên môn, thiếu đồng bộ.

4. Giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế

Để thực hiện có hiệu quả công tác dân tộc, chính sách dân tộc; đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia vùng DTTS & MN năm 2022, 2023 và các năm tiếp theo trên địa bàn xã có hiệu quả. Xã Trà Thanh đưa ra một số nhiệm vụ, giải pháp như sau:

- Khai thác thế mạnh của địa phương, xây dựng thương hiệu để tạo thu nhập cao hơn cho nhân dân.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn để nâng cao trình độ nhận thức của cán bộ, công chức của địa phương.

- Thay đổi phương thức tuyên truyền của nhân dân địa phương từ hình thức cán bộ tuyên truyền thành nhân dân tự tuyên truyền.

- Tiếp tục giải quyết các nhu cầu cơ bản như: nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; sắp xếp, bố trí dân cư vùng sạt lở nguy hiểm; phát triển sản xuất, bảo đảm sinh kế; đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu, cơ bản; quan tâm đúng mức giáo dục, đào tạo vùng đồng bào DTTS và MN.

- Tiếp tục phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân, nhất là đồng bào DTTS nâng cao nhận thức, phát huy cao sự tham gia tích cực chủ động của cán bộ, công chức, đảng viên và sự quan tâm của toàn xã hội đối với Chương trình.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc; rà soát, đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn, làm cơ sở để tổ chức thực hiện Chương trình gắn với thực hiện xây dựng nông thôn mới ở vùng DTTS & MN của xã.

- Tăng cường chỉ đạo sự phối hợp giữa các phòng, ban có liên quan và UBND xã trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình; kịp thời rà soát tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện kịp thời tham mưu, đề xuất giải pháp tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm phát huy hiệu quả sử dụng nguồn vốn được giao.

- Ưu tiên nguồn lực, lồng ghép nguồn vốn thực hiện Chương trình trên địa bàn xã, phân đầu đạt chuẩn Nông thôn mới theo kế hoạch đề ra.

- Tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các nội dung dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình.

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện và kịp thời bố trí ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình theo quy định của trung ương và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh. Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.

- Tiếp tục phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam xã về triển khai thực hiện Cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào DTTS vươn lên thoát nghèo bền vững*”.

V. Đề xuất, kiến nghị

- Đối với nguồn vốn sự nghiệp: Ủy ban nhân dân xã đề nghị sớm phân bổ ngân sách hàng năm để địa phương có cơ sở chủ động thực hiện.

- Đối với nguồn vốn duy tu, bảo dưỡng cho phép mở rộng quy mô đối với công trình nước sinh hoạt và một số công trình khác để phù hợp với nhu cầu cần thiết của địa phương; nên chỉ thực hiện bước thẩm tra hoặc bước thẩm định theo quy định, để đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

- Đối với nguồn vốn đầu tư nên ủy quyền cho cấp xã, thị trấn phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, quyết toán vốn hoàn thành trên cơ sở báo cáo thẩm tra, thẩm định của cơ quan chuyên môn của huyện.

Trên đây là báo cáo về tình hình triển khai thực hiện Chương trình MTQG: Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 2021-2025 của Ủy ban nhân dân xã Trà Thanh./.

Nơi nhận:

- Phòng Dân tộc huyện;
- TT Đảng ủy; TT HĐND xã;
- Mặt trận và các hội đoàn thể xã;
- CT, các PCT. UBND xã
- Công chức chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Bài